

Bản án số: 49/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 22- 5- 2024

V/v: Ly hôn, nuôi con, chia tài sản chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THỦY, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Hà Bắc;

Bà Phùng Thị Quỳnh .

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Mừng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giao Thủy xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 180/2024/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2023 về việc “Ly hôn, nuôi con, chia tài sản chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2024/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị M, sinh năm 1989; địa chỉ: Xóm B, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định; “có mặt”.

- Bị đơn: Anh Đinh Văn H, sinh năm 1979; địa chỉ: Xóm B, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định; “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai tại Toà án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị Trịnh Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đinh Văn H tự nguyện tìm hiểu, kết hôn đã được Ủy ban nhân dân xã G cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 07- 12- 2007. Sau đó, vợ chồng chung sống hòa thuận được khoảng 3 đến 4 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên bất đồng quan điểm, kinh tế và đã sống

ly thân từ tháng 5- 2022 cho đến nay. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh Đinh Văn H, không còn cơ hội hàn gắn hạnh phúc nên chị xin ly hôn anh Đinh Văn H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Đinh Sơn H1, sinh ngày 03-12- 2008 và Đinh Kiều O, sinh ngày 11- 7- 2014. Hiện nay, con chung là cháu O đang ở cùng chị. Ly hôn, chị nhận nuôi cháu O, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung cho chị.

Về tài sản: Chị xác định vợ chồng có tài sản chung và yêu cầu giải quyết gồm quyền sử dụng thửa đất số 370, tờ bản đồ số 46 tại xóm B (xóm A cũ), xã G, huyện G, tỉnh Nam Định đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL301613 ngày 17- 01- 2019 và nhà xưởng gắn liền trên đất; máy móc gồm có 03 máy là máy cắt nhôm 2 đầu, bình hơi 200l, máy phay nhôm. Chị và anh H đã thống nhất được việc phân chia tài sản chung nêu trên và đề nghị Tòa án chấp nhận sự thỏa thuận của hai bên về việc chị được quyền sử dụng $\frac{1}{2}$ diện tích thửa đất số 370; phía giáp đất ông T và được quyền sở hữu 03 máy là máy cắt nhôm 2 đầu, máy phay nhôm và bình nén khí 200l. Khi nhận quyền sử dụng phần đất này, toàn bộ công trình nhà xưởng được tháo dỡ, vật liệu sau khi tháo dỡ sẽ thuộc quyền sở hữu của anh H nhưng anh H phải chịu chi phí tháo dỡ. Anh H được quyền sử dụng $\frac{1}{2}$ diện tích thửa đất số 370, phía đất này có hai mặt giáp đường nên mới có việc chị được nhận sở hữu thêm các tài sản khác.

Tại bản tự khai, lời khai tại Tòa án bị đơn anh Đinh Văn H trình bày: Anh và chị Trịnh Thị M được Ủy ban nhân dân xã G cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 07- 12- 2007. Sau đó, vợ chồng chung sống đến ngày 30- 4- 2022 thì sau đó, chị M đề cập không thể ở với anh được nữa và muốn ly hôn. Anh nhận thấy tư tưởng, tình cảm của chị M đã thay đổi nên đã khuyên nhủ, nhưng chị M không thay đổi ý định. Nay anh nhận thấy vợ chồng không thể chung sống cùng nhau được nữa, nhưng chị M đề nghị ly hôn anh không nhất trí vì anh là người theo đạo Công giáo nên không thuận tình ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Đinh Sơn H1, sinh ngày 03-12- 2008 và Đinh Kiều O, sinh ngày 11- 7- 2014. Hiện nay, con chung là cháu H1 đang ở cùng anh. Trường hợp, chị M kiên quyết đề nghị ly hôn, anh nhận nuôi cả 02 con chung, không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con chung cho anh.

Về tài sản: Anh và chị M đã thống nhất được việc phân chia tài sản chung (như chị M trình bày). Khi nhận quyền sử dụng phần đất này, toàn bộ công trình nhà xưởng được tháo dỡ, vật liệu sau khi tháo dỡ sẽ thuộc quyền sở hữu của anh H.

Tại bản tự khai cháu Đinh Sơn H1 trình bày nguyện vọng: Cháu muốn được tiếp tục ở cùng bố.

Tại bản tự khai cháu Đinh Kiều O trình bày nguyện vọng: Cháu muốn được tiếp tục ở cùng mẹ.

Kết quả đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản:

- Về phần đất, phía Đông giáp đường liên xóm dài 7,94m; phía Tây giáp

thửa đất ông Đ dài 08m; phía Nam giáp ngõ bê tông dài 15,4m; phía Bắc giáp thửa đất ông T dài 15,6m; tổng diện tích thửa đất là 124m². Tài sản gắn liền trên thửa đất gồm nhà xưởng lợp tôn lạnh, mái tôn phía trước nhà. Máy móc gồm 03 loại là máy cắt nhôm, máy phay nhôm và máy nén khí.

- Giá trị quyền sử dụng toàn bộ thửa đất là 1.000.000.000 đồng. Giá trị công trình trên đất gồm nhà xưởng lợp tôn lạnh trị giá 89.040.000 đồng, mái tôn trị giá 5.378.400 đồng. Giá trị máy cắt là 72.000.000 đồng, máy phay là 20.000.000 đồng, máy nén khí là 8.000.000 đồng.

Kết quả xác minh, thu thập chứng cứ tại xã G, huyện G: Việc kết hôn, chung sống vợ chồng, con chung, tài sản như các đương sự trình bày là đúng. Diện tích thửa đất thực trạng giảm so với diện tích trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là do việc nhận mốc giới giữa các hộ liền kề và nằm ở khu vực đất trồng cây.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán và những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, cho ly hôn giữa chị Trịnh Thị M và anh Đinh Văn H.

- Căn cứ vào các điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, giao con chung Đinh Kiều O, sinh ngày 11- 7- 2014 cho chị Trịnh Thị M trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung là Đinh Sơn H1, sinh ngày 03- 12- 2008 cho anh Đinh Văn H trực tiếp nuôi dưỡng; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

- Căn cứ vào Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận sự thỏa thuận của chị Trịnh Thị M và anh Đinh Văn H; chia cho Trịnh Thị M được quyền sử dụng đất diện tích đất 62m² và được quyền sở hữu 03 máy là máy nén khí, máy phay nhôm và máy cắt nhôm. Chia cho anh Đinh Văn H được quyền sử dụng diện tích đất 62m² và sở hữu toàn bộ vật liệu là công trình nhà xưởng sau khi tháo dỡ.

- Căn cứ vào Nghị quyết 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội buộc nguyên đơn phải nộp án phí ly hôn; buộc nguyên đơn và bị đơn nộp án phí tài sản theo giá trị tài sản được chia.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Đinh Văn H được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Vì vậy, căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trịnh Thị M và anh Đinh Văn H kết hôn hợp pháp. Cuộc sống vợ chồng của chị M và anh H không có hạnh phúc, đã sống ly thân trong thời gian dài. Nay chị M xin ly hôn, anh H không nhất trí nhưng không

có biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy, mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa chị Trịnh Thị M và anh Đinh Văn H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trịnh Thị M và anh Đinh Văn H phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình.

[3] Về việc nuôi con: Xác định vợ chồng có 02 con chung là Đinh Sơn H1, sinh ngày 03- 12- 2008 và Đinh Kiều O, sinh ngày 11- 7- 2014. Căn cứ nguyện vọng, điều kiện của các đương sự và con chung; giao con chung Đinh Kiều O, sinh ngày 11- 7- 2014 cho chị Trịnh Thị M trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung là Đinh Sơn H1, sinh ngày 03- 12- 2008 cho anh Đinh Văn H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Hai bên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. Hai bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản: Xác định vợ chồng chị Trịnh Thị M và anh Đinh Văn H có tài sản chung là quyền sử dụng thửa đất số 370, tờ bản đồ số 46 tại xóm B (xóm A cũ), xã G, huyện G, tỉnh Nam Định đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL301613 ngày 17- 01- 2019 và nhà xưởng gắn liền trên đất; máy móc gồm có 03 máy là máy cắt nhôm 2 đầu, bình hơi 200l, máy phay nhôm. Quyền sử dụng thửa đất trên trị giá 1.000.000.000 đồng; máy cắt trị giá 72.000.000 đồng, máy phay trị giá 20.000.000 đồng, máy nén khí trị giá 8.000.000 đồng; nhà xưởng lợp tôn lạnh trị giá 89.040.000 đồng, mái tôn trị giá 5.378.400 đồng.

[5] Trên cơ sở sự thống nhất phân chia tài sản chung của chị Trịnh Thị M và anh Đinh Văn H, Hội đồng xét xử thấy đủ cơ sở ghi nhận thoả thuận: Chị M sử dụng diện tích đất 62m² (trong đó đất ở là 40m², đất trồng cây lâu năm là 22m²) có tứ cận như sau: phía giáp đường dài 3,97m; phía giáp thửa đất ông T dài 15,6m; phía giáp thửa đất ông Đ dài 04m; phía giáp đất chia cho anh H sử dụng dài 15,5m và được quyền sử dụng 03 máy là máy nén khí, máy phay nhôm và máy cắt nhôm. Anh H sử dụng diện tích đất 62m² (trong đó đất ở là 40m², đất trồng cây lâu năm là 22m²) có tứ cận như sau: phía giáp đường dài 3,97m; phía giáp thửa đất ông Đ dài 04m; phía giáp đất chia cho chị M sử dụng dài 15,5m; phía giáp ngõ dài 15,4m. Như vậy về giá trị, anh H được chia 500.000.000 đồng; chị M được nhận 500.000.000 đồng với 1/2 giá trị thửa đất và 100.000.000 đồng giá trị máy cắt, máy phay, máy nén.

[6] Đối với nhà xưởng các đương sự nhất trí cùng tháo dỡ để khi chia đất nên không tính giá trị chia tài sản là phù hợp. Anh H được hưởng toàn bộ vật liệu sau khi tháo dỡ nhà mái tôn nên có trách nhiệm thanh toán toàn bộ chi phí tháo dỡ phát sinh là phù hợp.

[7] Hiện anh H là người đang sử dụng, quản lý máy nén khí, máy phay nhôm và máy cắt nhôm phải có nghĩa vụ bàn giao các tài sản này cho chị Trịnh Thị M.

[8] Về án phí: Chị Trịnh Thị M là nguyên đơn nên phải nộp án phí ly hôn theo quy định pháp luật. Chị M và anh H thống nhất về tài sản khi hoà giải nên

phải nộp 50% án phí phải nộp theo giá trị tài sản được chia.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; xử cho ly hôn giữa chị Trịnh Thị M và anh Đinh Văn H.

2. Về việc nuôi con: Căn cứ các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; xử: Giao chị Trịnh Thị M trực tiếp nuôi con chung Đinh Kiều O, sinh ngày 11- 7- 2014; anh Đinh Văn H trực tiếp nuôi con chung Đinh Sơn H1, sinh ngày 03- 12- 2008. Hai bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Căn cứ vào Điều 33 và Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 213 và Điều 219 của Bộ luật Dân sự; ghi nhận sự thoả thuận của các đương sự về việc chia tài sản chung, cụ thể:

Chia cho Trịnh Thị M được quyền sử dụng đất diện tích đất 62m² (trong đó đất ở là 40m², đất trồng cây lâu năm là 22m²) có tứ cận như sau: phía giáp đường dài 3,97m; phía giáp thửa đất ông T dài 15,6m; phía giáp thửa đất ông Đ dài 04m; phía giáp đất chia cho anh H sử dụng dài 15,5m và được quyền sử dụng 03 máy là máy nén khí, máy phay nhôm và máy cắt nhôm.

Chia cho anh Đinh Văn H được quyền sử dụng diện tích đất 62m² (trong đó đất ở là 40m², đất trồng cây lâu năm là 22m²) có tứ cận như sau: phía giáp đường dài 3,97m; phía giáp thửa đất ông Đ dài 04m; phía giáp đất chia cho chị M sử dụng dài 15,5m; phía giáp ngõ dài 15,4m và sở hữu toàn bộ vật liệu là công trình nhà xưởng sau khi tháo dỡ.

(Có sơ đồ kèm theo)

(Đất phân chia tại thửa đất số 370, tờ bản đồ số 46 tại xóm B (xóm A cũ), xã G, huyện G, tỉnh Nam Định đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL301613 ngày 17- 01- 2019).

Anh Đinh Văn H có nghĩa vụ: Giao máy nén khí, máy phay nhôm và máy cắt nhôm cho chị Trịnh Thị M; chịu chi phí tháo dỡ, thu dọn nhà xưởng mái lợp tôn; nộp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL301613 ngày 17- 01- 2019 cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền khi làm thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Kiến nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu hồi hoặc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho anh Đinh Văn H và chị Trịnh Thị M để cấp Giấy chứng nhận cho các đương sự theo bản án này.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố

tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 kèm theo Danh mục án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội; buộc: Chị Trịnh Thị M phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn và 14.000.000 đồng án phí tài sản được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 36.300.000 đồng theo Biên lai thu số 0001524 ngày 13 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giao Thủy; Chị M được hoàn trả 24.000.000 đồng. Anh Đinh Văn H nộp 12.000.000 đồng án phí tài sản.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chị Trịnh Thị M có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Đinh Văn H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

6. Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự: 02 bản;
- VKSND huyện Giao Thủy: 01 bản;
- VKSND tỉnh Nam Định: 01 bản;
- Chi cục THADS huyện Giao Thủy: 01 bản;
- UBND xã Giao Thiện: 01 bản;
- Lưu hồ sơ: 02 bản.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Ngọc Duyên